

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **480/2022/HNGĐ-ST**;

Ngày: 13/9/2022.

V/v tranh chấp “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bình;
2. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Huỳnh T Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Trúc L, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L và anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Lý Thị Trúc L trình bày:**

Chị Lý Thị Trúc L và anh Nguyễn Chí T cưới nhau năm 2003, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Chợ Gạo. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T có tình cảm với người khác, tự ý bán tài sản trong gia đình nên anh chị thường xuyên cãi vã. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành công, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay không còn tình cảm nên chị L xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 21/4/2005 và Nguyễn Chí B, sinh ngày 24/11/2017. Khi nộp đơn xin ly hôn, chị L yêu cầu

được nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải, chị L xin thay đổi yêu cầu, chị nhường quyền nuôi cháu H cho anh T, chị yêu cầu được nuôi cháu B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**Bị đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:*

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian, địa điểm kết hôn, và về quá trình chung sống như chị L trình bày. Anh T còn thương vợ thương con, mong muốn được hàn gắn gia đình nên không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 21/4/2005 và Nguyễn Chí B, sinh ngày 24/11/2017. Trong trường hợp ly hôn thì anh T xin được nuôi hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và các lời trình bày của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, giữa chị Lý Thị Trúc L và anh Nguyễn Chí T có mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: đề nghị giao cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 21/4/2005 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 24/11/2017 cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lý Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Chí T cư trú tại ấp A, xã A, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị Trúc L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh T cưới nhau năm 2003, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị

L xin ly hôn với anh T với lý do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T có tình cảm với người khác, tự ý bán tài sản trong gia đình, anh chị thường xuyên cãi vã nên anh chị đã không còn sống chung từ tháng 6/2022. Tại phiên tòa chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn như chị L trình bày, hiện không còn sống chung, nhưng anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L xin nhường quyền nuôi cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 21/4/2005 cho anh T, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 24/11/2017. Anh T xin được nuôi cả hai con. Xét yêu cầu của anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là có cơ sở, vì cháu H đang sống với anh T đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H muốn được sống với anh T. Còn cháu B đang sống với chị L đã ổn định về mọi mặt nên chị L yêu cầu được nuôi cháu B là cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị L và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị Trúc L.

Về hôn nhân: Chị Lý Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Chí T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 21/4/2005 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Giao cho chị Lý Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 24/11/2017 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Chị L, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Lý Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0024899 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, do vậy chị L đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thủy Uyên